

NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI VÀ MỐI QUAN HỆ VỚI MỘT SỐ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA TỔ TỤNG HÌNH SỰ

HOÀNG VĂN HẠNH (*)

Tóm tắt: Trên cơ sở nhận thức lý luận về nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự Việt Nam, bài viết đánh giá vị trí, mối quan hệ của nguyên tắc này với một số nguyên tắc trong hệ thống các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự. Thông qua đó, bài viết đưa ra và chứng minh luận điểm: để thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội cần phải hoàn thiện các nguyên tắc khác của tố tụng như nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa, nguyên tắc tranh tụng, nguyên tắc xác định sự thật của vụ án trong tố tụng hình sự Việt Nam. Bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội.

Từ khóa: Suy đoán vô tội; bào chữa; tranh tụng; tố tụng hình sự; mô hình tố tụng.

Abstract: Based on theories on presumption of innocence in criminal procedure in Vietnam, the article assesses the position and relationship of this principle with some other principles in criminal procedure. The article presented and justified the proposal: to implement the presumption of innocence, it is necessary to improve other principles in criminal procedure such as the right of defense, principle of litigation, and principle of objective truth. The article proposed some solutions to improve the criminal procedure code in relation to the presumption of innocence.

Keywords: Presumption of innocence; defense; litigious; Criminal Procedure; procedural model.

Ngày nhận bài: 16/4/2020; Ngày sửa bài: 5/5/2020; Ngày duyệt đăng bài: 07/6/2020.

Dẫn nhập

Nói đến vị trí của nguyên tắc suy đoán vô tội là nói đến mối quan hệ của nguyên tắc này với các nguyên tắc khác trong hệ thống nguyên tắc tố tụng hình sự (TTHS) Việt Nam. Nguyên tắc suy đoán vô tội là một trong nhiều các nguyên tắc hợp thành hệ thống nguyên tắc của luật TTHS. Hệ thống nguyên tắc này phải phản ánh các quy luật kinh tế - xã hội của hình thái kinh tế xã hội, bản chất và kiểu nhà nước và pháp luật hình thành nên nó. Hệ thống nguyên tắc cơ bản của luật TTHS được chia làm nhiều nguyên tắc, song các nguyên tắc của luật TTHS đều là sự cụ thể hóa các nguyên tắc chung của pháp luật và các nguyên tắc của

Hiến pháp. Giữa các nguyên tắc này có mối liên hệ mật thiết với nhau tác động qua lại lẫn nhau. Đó là sự thực hiện nguyên tắc này là tiền đề để thực hiện nguyên tắc kia, hoặc nguyên tắc này cụ thể hóa nguyên tắc kia. Là một trong những nguyên tắc của TTHS với tư cách là những tư tưởng và quan điểm chủ đạo, có khả năng định hướng cho cả hệ thống pháp luật TTHS và hệ thống tư pháp hình sự, nguyên tắc suy đoán vô tội nhất thiết phải có mối liên hệ với các nguyên tắc khác nhằm tạo nên tính nhất quán, tính hệ thống của các nguyên tắc tố tụng. Sự nhất

* NCS Học viện Khoa học xã hội;
Email: hvhts@gmail.com

quán đó không chỉ là việc giao thoa, bổ sung cho nhau về nội dung của các nguyên tắc mà còn là sự nhất quán với nhau trên một định hướng chung cho toàn bộ các hoạt động và quan hệ TTHS đó chính là mục đích của TTHS. Do đó, nguyên tắc suy đoán vô tội phải được xây dựng phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của TTHS như: nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị tình nghi, bị can, bị cáo; nguyên tắc suy đoán vô tội và nguyên tắc tranh tụng.

1. Khái quát về nguyên tắc suy đoán vô tội

Nguyên tắc suy đoán vô tội là một trong những nguyên tắc cơ bản của TTHS, thể hiện tư tưởng của một nền văn minh dân chủ, nền tảng của hoạt động tố tụng và do đó nó được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật TTHS của nhiều nước trên thế giới.

Nguyên tắc suy đoán vô tội được xem xét dưới hai góc độ chứng minh và đối xử. Lý thuyết về chứng minh chỉ ra nhiều phương pháp chứng minh. Mặt khác, suy đoán vô tội không chỉ đáp ứng yêu cầu chứng minh mà còn bảo vệ được quyền của người bị tình nghi, bị can, bị cáo. Hoạt động TTHS bao gồm hai nhiệm vụ. Trước hết, nó là hoạt động bảo vệ xã hội chống lại hành vi xâm hại từ phía tội phạm. Mặt khác không kém phần quan trọng là bảo vệ cá nhân: người bị buộc tội chống lại sự xâm hại quyền con người từ phía công quyền. Luật TTHS trong nhà nước văn minh phải dung hoà được quyền lợi xã hội và tự do cá nhân. Suy đoán vô tội còn đem đến sự cân bằng trong hoạt động TTHS giữa một bên là nhà nước với bộ máy điều tra, truy tố xét xử hùng mạnh được hậu thuẫn bằng quyền lực nhà nước với một

bên yếu thế hơn là người bị tình nghi, bị can, bị cáo. Hơn nữa, chứng minh trong TTHS là hoạt động cực kỳ phức tạp, không chỉ là những hành vi khách quan, những hậu quả thực tế mà còn cả những yếu tố tâm lý (lỗi) của người phạm tội. Mọi sai lầm trong chứng minh nhiều khi có thể phải trả giá bằng sinh mệnh của con người. Do đó, "nếu chỉ chứng minh theo hướng suy đoán có tội thì rất dễ dẫn đến việc coi tố tụng hình sự chỉ đơn thuần là việc bắt người và ra bản án kết tội kèm theo những hình phạt cụ thể"¹¹. Việc định kiến người bị tình nghi, bị can, bị cáo là người có tội là hết sức nguy hiểm. Nó đồng nhất người bị tình nghi, bị can, bị cáo là người có tội kéo theo đó là việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng tràn lan, thiếu căn cứ, chà đạp lên quyền con người mà nhiều trường hợp khi vụ án được xem xét lại thì họ hoàn toàn vô tội. Lúc đó, có bồi thường oan sai đi chăng nữa thì hậu quả đối với họ không thể nói là đã bù đắp được toàn bộ.

Như vậy, không chỉ là quyền của người bị buộc tội, nghĩa vụ của bên buộc tội, thể hiện giá trị của văn minh nhân loại trong việc bảo vệ quyền con người, suy đoán vô tội còn phù hợp với quy luật của nhận thức trong TTHS: Một người luôn vô tội khi nhà nước không chỉ ra được những bằng chứng chống lại điều này và chứng minh được họ có tội.

Nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội là một giả định thể hiện ở yêu cầu: bị can, bị cáo phải được coi là vô tội khi mà lỗi của bị can, bị cáo đó chưa được chứng minh theo

¹¹ Phạm Hồng Hải (1995), *Đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội*, Nhà Công an nhân dân, tr. 92.

một trình tự do pháp luật quy định và được xác định bởi một bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Nguyên tắc suy đoán vô tội khẳng định trong tất cả các giai đoạn tố tụng người bị tình nghi, bị can, bị cáo chưa phải là tội phạm. Do đó nó đòi hỏi hoạt động TTTH không chỉ tuân thủ pháp luật TTTH để việc xác định sự thật vụ án đạt được kết quả chính xác nhất làm cơ sở để kết luận một người là có tội hay không, mà còn nhấn mạnh yếu cầu "mọi hoài nghi về lỗi của bị can, bị cáo phải được giải thích theo hướng có lợi cho bị can bị cáo".

2. Mỗi quan hệ của nguyên tắc suy đoán vô tội với một số nguyên tắc của tố tụng hình sự

Mối quan hệ giữa nguyên tắc suy đoán vô tội và nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của người bị tình nghi, bị can, bị cáo.

Quyền được bào chữa trước tòa của bị cáo là một trong những quyền công dân được hiến pháp và luật pháp nhiều quốc gia ghi nhận và đảm bảo thực hiện. Điều 31 Hiến pháp 2013 quy định: Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Như vậy, Hiến pháp Việt Nam hiện hành đã khẳng định quyền được bào chữa của bị can, bị cáo là một nguyên tắc cơ bản của luật TTTH Việt Nam. Quyền bào chữa của người bị buộc tội xuất hiện từ khi có sự buộc tội và tồn tại song song với buộc tội. Điều đó có nghĩa là quyền bào chữa được đảm bảo trong tất cả các giai đoạn của tố tụng: khởi tố, điều tra - truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Người có quyền bào chữa bao gồm người bị tình nghi (gồm cả người bị tạm giữ và người không bị tạm giữ), bị can, bị cáo và người bị kết án.

Theo Phạm Hồng Hải: "Quyền được bào chữa trong tố tụng hình sự là tổng hòa các hành vi tố tụng do người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án thực hiện trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật nhằm phủ nhận một phần hay toàn bộ sự buộc tội của các cơ quan tiến hành tố tụng, làm giảm nhẹ hoặc ngoại trừ trách nhiệm hình sự của mình trong vụ án hình sự"⁽²⁾. Đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội là một nguyên tắc cơ bản của luật TTTH nó đòi hỏi các cơ quan tư pháp hình sự phải đảm bảo quyền này cho người bị buộc tội. Quyền bào chữa của người bị buộc tội được thể hiện bằng các hành vi tố tụng dưới đây.

Người bị buộc tội có thể bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình. Để tự bào chữa người buộc tội, bị cáo được sử dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để chứng minh sự vô tội giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mình như: đưa ra các chứng cứ, yếu cầu khiếu nại các quyết định tố tụng... Trong trường hợp người tự buộc tội không thể tự bào chữa họ có quyền nhờ người khác bào chữa cho mình. Người bào chữa cho họ có thể là luật sư, bào chữa viên nhân dân hoặc người đại diện hợp pháp của họ. Sự tham gia tố tụng của người bào chữa không chỉ gồm người bảo vệ quyền lợi của người bị buộc tội mà còn góp phần giúp các cơ quan TTTH giải quyết vụ án một cách chính xác, khách quan, toàn diện hơn. Sự tham gia của người bào chữa trong tố tụng hình sự xuất hiện dưới hai hình thức: Do người bị buộc tội nhờ và do các cơ quan tiến hành tố

⁽²⁾ Phạm Hồng Hải (1999). *Đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội*. Nxb. Công an nhân dân, tr 29

tụng cử - đó là những vụ án người buộc tội bị khởi tố điều tra truy tố và xét xử về tội có mang hình phạt cao nhất là tử hình hoặc người bị buộc tội là người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần. Không chỉ dừng lại ở việc quyền bào chữa mà luật tố tụng hình sự còn quy định những đảm bảo cần thiết cho người bị buộc tội thực hiện quyền bào chữa của mình. Đó là: họ phải được biết mình bị buộc tội về tội gì thông qua các quyết định, thông báo tố tụng được đạt hợp lệ. Người bào chữa từ khi tạm giữ người bị tình nghi, được tiếp xúc với hồ sơ, được tham gia tranh luận tại phiên tòa, được cung cấp các tài liệu chứng cứ... Nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội có quan hệ với nguyên tắc suy đoán vô tội thể hiện ở các bình diện dưới đây:

Trước hết, nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa là tiền đề để thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội. Bởi vì một người chỉ bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi có bản án kết tội có hiệu lực của tòa án công khai, bình đẳng không thiên vị. Muốn có được bản án này thì một trong những yêu cầu quan trọng là bản án kết tội phải được ban hành trên cơ sở đảm bảo cho bị cáo được thực hiện đầy đủ quyền của mình trong đó có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người bào chữa. Việc đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo sẽ đảm bảo cho phán quyết của tòa án được khách quan, vô tư trên cơ sở xem xét được cả những chứng cứ buộc tội của bên buộc tội và chứng cứ gỡ tội của bên gỡ tội từ đó tránh được việc xét xử oan, vô tội hoặc xét xử quá nặng. Hơn nữa việc có mặt của người bào chữa trong quá trình giải quyết vụ án còn ý nghĩa

nhằm hạn chế sự lạm dụng quyền lực từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng đến quyền lợi của người bị buộc tội đồng thời góp phần làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án. Mặt khác, nguyên tắc suy đoán vô tội khẳng định người bị buộc tội có quyền chứng minh sự vô tội của mình. Để thực hiện quyền chứng minh sự vô tội người bị buộc tội có thể dùng nhiều cách khác nhau trong đó có phương thức quan trọng nhất là tự bào chữa hoặc nhờ người bào chữa. Nếu không đảm bảo quyền được bào chữa của người bị buộc tội thì cho dù có bản án kết tội của Tòa án đi chăng nữa thì việc kết tội một người cũng không thể đảm bảo tính chính xác và do đó nguyên tắc suy đoán vô tội cũng không được đảm bảo trên thực tế.

Thứ hai, việc đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội tạo ra sự cân bằng, bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Trên cơ sở bình đẳng này sẽ làm hạn chế những tiêu cực phát sinh từ phía buộc tội. Đó là sự mớm cung, dùng nhục hình hoặc vi phạm pháp chế trong TTTHS làm biến dạng các quan hệ pháp luật TTTHS là cho TTTHS chỉ đơn thuần là hoạt động buộc tội bất một người đưa ra ngoài xử phạt và áp dụng hình phạt đối với họ. Và làm cho TTTHS chỉ có một mục đích duy nhất là xử lý người phạm tội mà không thấy được mục đích thứ hai không kém phần quan trọng của nó là không làm oan người vô tội.

Cuối cùng cả hai nguyên tắc suy đoán vô tội và đảm bảo quyền bào chữa đều cụ thể hóa và thực hiện nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân. Đó là các quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tính mạng, sức khỏe tài sản, danh dự, nhân

phẩm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn về bí mật thư tín... Nếu một người chưa bị coi là có tội thì các quyền trên của họ không thể bị xâm phạm từ bất kỳ ai ngay cả phía các cơ quan TTTHS. Cho dù trong quá trình TTTHS các cơ quan TTTHS có thể áp dụng một số biện pháp hạn chế quyền này của người bị buộc tội song chỉ là sự hạn chế tạm thời và phải có căn cứ và phải tuân theo thủ tục chặt chẽ luật định. Muốn kiểm tra, kiểm soát kịp thời hoạt động tố tụng để tránh sự xâm phạm quyền cơ bản của công dân đối với người chưa bị coi là có tội thì sự tham gia của người bào chữa là phương thức hữu hiệu nhất để hạn chế việc làm tiêu cực này.

Mối quan hệ giữa nguyên tắc suy đoán vô tội và nguyên tắc tranh tụng

Tranh tụng được hiểu là: "Các bên phải được triệu tập để biết yêu cầu chứng cứ và lý lẽ của bên kia; được đưa ra chứng cứ yêu cầu và phản bác yêu cầu, chứng cứ và lý lẽ của đối phương"⁽³⁾. Như vậy, tranh tụng trong tố tụng được hiểu là hoạt động bình đẳng, công khai, dân chủ của bên buộc tội và bên gỡ tội được đưa ra phản bác chứng cứ, lý lẽ buộc tội và gỡ tội. Tranh tụng được luật tố tụng hình sự nhiều nước coi là một trong những nguyên tắc cơ bản. Xuất phát từ hiệu quả của nó trong việc giải quyết vụ án hình sự. Nguyên tắc tranh tụng đã được thừa nhận là nguyên tắc cơ bản của TTTHS Việt Nam trong Bộ luật TTTHS 2015. Nguyên tắc tranh tụng được thể hiện qua các nội dung dưới đây:

Có sự tham gia mang tính chất bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Thể hiện việc cùng với sự xuất hiện của sự buộc tội thì cũng là sự xuất hiện của

quyền bào chữa. Trong tố tụng, tranh tụng Tòa án giữ vai trò trung tâm như một trọng tài và phán quyết của Tòa án dựa trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trong tố tụng quyền lực không thể tập trung vào một bên mà có sự san sẻ giữa công tố viên - thẩm phán và người bào chữa. Trong đó vai trò của người bào chữa được đề cao ít nhất là bằng với công tố viên. Tố tụng, tranh tụng không mong đợi sự hợp tác của bị cáo, bị can, bị cáo có quyền im lặng trong suốt một quá trình tố tụng. Trách nhiệm chứng minh sự tội phạm thuộc về bên buộc tội. Mọi chứng cứ, lý lẽ đều được đưa ra xem xét, thẩm định tại phiên tòa.

Tương tự như mối quan hệ với nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa với nguyên tắc tranh tụng, nguyên tắc suy đoán vô tội muốn được thực hiện phải thông qua nguyên tắc tranh tụng được thể hiện ở các bình diện dưới đây:

Thứ nhất, dưới góc độ đôi xử nguyên tắc suy đoán vô tội khẳng định không ai bị coi là có tội trước khi có bản án của Tòa án và đòi hỏi các cơ quan THTT phải tôn trọng các quyền cơ bản của con người. Việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng với mục đích cao nhất là không phải là phát hiện nhanh chóng tội phạm, không để lọt tội mà là trước hết phải bảo vệ được con người. Muốn thực hiện được điều này không thể không có cơ chế để thực hiện. Điều này thể hiện ở việc nguyên tắc tố tụng tạo cơ hội ngang nhau cho bên buộc tội và bên gỡ tội và quyền của bị cáo được triệt để tôn trọng.

⁽³⁾ Philip Reichel (1999), *Tư pháp hình sự so sánh*. Thông tin Khoa học pháp lý. Viện Khoa học pháp lý, tr.5.

Thứ hai, dưới góc độ chứng minh, tố tụng tranh tụng tạo điều kiện cho bên gỡ tội quyền tối đa để chứng minh sự vô tội của mình. Bị cáo và người bào chữa có quyền điều tra, thu thập chứng cứ để gỡ tội và các chứng cứ này cũng được xem xét bình đẳng với các chứng cứ buộc tội. Tạo cơ hội cho các bên tranh luận dân chủ. Đây là cách tốt nhất để tìm ra bản chất của vụ án. Bởi vì, chân lý chỉ xuất hiện trên cơ sở so sánh, đánh giá các chứng cứ và cò sát các quan điểm của bên buộc tội và bên gỡ tội. Chỉ trên cơ sở tranh luận này thì phán quyết của tòa án mới đảm bảo tính khách quan, tính có căn cứ mà không chỉ dựa vào quan điểm bên buộc tội.

Mối quan hệ giữa nguyên tắc suy đoán vô tội và nguyên tắc xác định sự thật của vụ án

Nhiệm vụ của tố tụng trong bất cứ nhà nước nào đều là phát hiện việc một người đã thực hiện hành vi bị coi là tội phạm trên thực tế và các vấn đề có liên quan khác để từ đó hoàn thành mục đích chung xét xử đúng người, đúng tội, không làm oan người vô tội. Tức là phải xác định sự thật của vụ án. Chỉ khi xác định được sự thật của vụ án mới có thể giải quyết toàn diện vụ án hình sự như: đảm bảo công lý, công bằng; bảo vệ quyền con người; đấu tranh phòng chống tội phạm, vật chất hóa các quy định của luật nội dung (luật hình sự) vào thực tiễn. Ngược lại cũng từ yêu cầu chung phải xác định được sự thật khách quan trong tố tụng hình sự mới phát sinh những đòi hỏi khác trong tố tụng hình sự như: pháp chế, tranh tụng, xét xử độc lập, suy đoán vô tội...

Có thể coi tố tụng hình sự trước hết là quá trình nhận thức để đạt được chân lý

trong tố tụng hình sự và phải tuân theo các quy luật của nhận thức như chủ thể, khách thể, đối tượng, phương pháp, mục đích nhận thức. Hoạt động tố tụng hình sự trước hết phải tìm ra được chân lý khách quan. Nổi cách khác, xử lý một người vì họ đã phạm tội hoặc tha bổng một người vì họ bị oan phải dựa trên cơ sở sự thật khách quan. Chân lý trong TTHS là sự kiện vật chất của vụ án hình sự được phản ánh trong kết luận của cơ quan tiến hành tố tụng trên cơ sở xác định bằng các chứng cứ thông qua các biện pháp hợp pháp và đã đánh giá chúng dưới góc độ pháp lý hình sự⁽⁴⁾.

Xác định sự thật khách quan đã được long trọng thừa nhận là một nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự Việt Nam. Tuy nhiên, chính vì tố tụng hình sự Việt Nam là tố tụng xét hỏi chưa có sự phân biệt rành mạch giữa các chức năng công tố (buộc tội), gỡ tội và xét xử nên Tòa án vẫn được coi là một chủ thể có trách nhiệm xác định sự thật khách quan. Điều này đúng đối với mô hình tố tụng hiện nay, nhưng nó sẽ là bất cập nếu chúng ta mở rộng tranh tụng tiến tới thừa nhận nguyên tắc tranh tụng. Bởi lẽ tranh tụng là công việc của hai bên buộc tội và gỡ tội chứ không phải là việc của tòa. Tòa án sẽ không có nhiệm vụ xác định sự thật khách quan mà là người đánh giá các chứng cứ, kết luận của hai bên có phải là sự thật khách quan hay không. Xác định sự thật khách quan hoàn toàn khác với đánh giá về sự thật khách quan. Nhiều ý kiến hiện nay đề nghị thay

⁽⁴⁾ Đinh Thế Hưng (2017), "Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án trong TTHS". Luận án Tiến sĩ luật học bảo vệ tại Học viện KHXH năm 2017, tr. 36

đổi về thủ tục xét hỏi tại phiên tòa với lý do hội đồng xét xử không nên hỏi quá nhiều, không nên hỏi trước... nói cách khác là không nên làm nhiệm vụ điều tra tại tòa. Nếu chúng ta sửa đổi nguyên tắc xác định sự thật của vụ án tại Điều 15 Bộ luật TTHS bằng việc loại bỏ Tòa án ra khỏi các chủ thể có nghĩa vụ chứng minh, trả Tòa án về đúng với vai trò đánh giá sự thật khách quan thì vấn đề thủ tục xét hỏi tại tòa sẽ được giải quyết. Đồng thời sự sửa đổi này sẽ làm triệt tiêu những hoạt động mang tính buộc tội (công việc của công tố, của Tòa án như trả hồ sơ để điều tra bổ sung BLTTHS), hội đồng xét xử vẫn xét xử khi Viện kiểm sát đã rút truy tố hội đồng xét xử khỏi tố vụ án...

3. Hoàn thiện hệ thống nguyên tắc của tố tụng hình sự nhằm đảm bảo thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội

Nước ta đang thực hiện chiến lược cải cách tư pháp trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Ngày 2/6/2003, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị Quyết số 49- NQ-TW về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 trong đó nêu rõ phương hướng của chiến lược này là "Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân do nhân dân vì nhân dân, hoàn thiện các thủ tục tư pháp bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch tôn trọng và bảo vệ các quyền con người". Với tư cách là bộ phận cấu thành hệ thống pháp luật quốc gia, pháp luật TTHS phải thể hiện được quan điểm của Đảng, các chủ trương, chính sách pháp luật TTHS và kế thừa thành tựu của pháp luật TTHS Việt Nam trong lịch

sự cũng như tiếp thu chọn lọc những kinh nghiệm của nước ngoài trong đó có nguyên tắc được thừa nhận chung của nhà nước pháp quyền đó là: Tôn trọng và bảo vệ các quyền con người. Sau khi xác định mô hình TTHS thì việc sửa đổi pháp luật hình sự trước hết phải bắt đầu từ việc hoàn chỉnh hệ thống nguyên tắc cơ bản của TTHS trong đó có nguyên tắc xác định sự thật của vụ án. Nói cách khác, hoàn thiện nguyên tắc xác định sự thật của vụ án phải đặt trong việc hoàn thiện các nguyên tắc khác của TTHS. Bởi lẽ như trên đã trình bày, các nguyên tắc của TTHS có liên quan mật thiết với nhau, nguyên tắc này là tiền đề của nguyên tắc khác, nguyên tắc này cụ thể hoá nguyên tắc kia... Để đảm bảo thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự cần hoàn thiện nội dung của một số nguyên tắc cơ bản trong TTHS theo hướng sau đây:

Thứ nhất, hoàn thiện nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội. Đây là nguyên tắc có nhiều ý nghĩa trong đó có ý nghĩa nhằm đảm bảo cho việc xác định sự thật của vụ án từ các chủ thể người bị buộc tội, người bào chữa. Nội dung của nguyên tắc này cần cụ thể hoá Nội dung của Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị 1966 vào pháp luật TTHS Việt Nam.

Thứ hai, hoàn thiện nguyên tắc tranh tụng trong TTHS bằng việc khẳng định hoạt động tố tụng được tiến hành trên cơ sở tranh tụng giữa các bên. Như trên đã nói, chúng ta đã thận trọng khi chuyển hẳn sang mô hình tố tụng tranh tụng, nhưng trong mô hình tố tụng thẩm vấn hiện nay cần ghi nhận nguyên tắc tranh

tụng. Nói cách khác là đưa các yếu tố tranh tụng vào mô hình tố tụng hiện hành. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 mới chỉ dừng ở việc ngời nhận: Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm, theo chúng tôi là còn dè dặt và thận trọng. Bởi cảnh hiện nay chưa cho phép chúng ta áp dụng mô hình tranh tụng triệt để bởi nhiều lý do. Tuy nhiên, trong thời gian tới luật TTHS cần đẩy thêm một bước nữa bằng việc quy định nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong TTHS chứ không chỉ dừng ở tranh tụng trong khi xét xử như hiện nay. Bởi lẽ, tranh tụng phải được hiểu là một quá trình. Nó bắt đầu ngay từ khi buộc tội (giữ người trong trường hợp khẩn cấp hay khởi tố bị can). Đó là việc bên gỡ tội phải biết chứng cứ lập luận của bên kia và có quyền phản bác. Tranh tụng tại phiên tòa chỉ là bước cuối cùng của tranh tụng. Nói cách khác, muốn đảm bảo tranh tụng, bình đẳng, khách quan giữa các bên thì trong các giai đoạn trước đó các bên, đặc biệt là bên gỡ tội phải được thực hiện các quyền nhằm đảm bảo cho việc tranh tụng tại phiên tòa đạt kết quả cao.

Bên cạnh đó cần cụ thể hoá nội dung của nguyên tắc này trong TTHS thể hiện ở các phương diện sau:

- Phân định rành mạch các chức năng tố tụng và tương ứng với mỗi chức năng có một cơ quan tư pháp đảm nhiệm. Theo đó, chức năng buộc tội thuộc về Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, chức năng gỡ tội thuộc về người bào chữa.

- Đảm bảo cho các bên gỡ tội được bình đẳng với bên buộc tội, thể hiện ở việc có các quy định nhằm đảm bảo cho bên gỡ tội thực hiện chức năng này đó là hệ thống

quyền của họ cũng như cơ chế đảm bảo cho họ thực hiện quyền này.

Thứ ba, hoàn thiện nội dung của nguyên tắc xác định sự thật của vụ án: BLTTHS hiện hành và thực tiễn áp dụng nó cho thấy nguyên tắc xác định sự thật của vụ án trong TTHS chưa được ghi nhận một cách đầy đủ với tư cách là nguyên tắc cơ bản của luật TTHS và các quy phạm, các chế định quy phạm của BLTTHS đảm bảo nguyên tắc này. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung của nguyên tắc này sẽ góp phần đảm bảo cho hoạt động TTHS được thực hiện một cách khách quan, chính xác không những thực hiện tốt nhiệm vụ của luật TTHS là phát hiện xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không làm oan người vô tội mà còn bảo vệ tốt nhất quyền tự do, danh dự, nhân phẩm về quyền lợi ích hợp pháp khác của công dân. Với ý nghĩa như vậy tác giả xin được đưa ra một số giải pháp hoàn thiện quy định của BLTTHS liên quan đến nguyên tắc xác định sự thật của vụ án như sau:

Nhằm đảm bảo cho tất cả các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo Luật TTHS quy định phải có nghĩa vụ tuân thủ nguyên tắc "Xác định sự thật vụ án" và tất cả những người bị cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố, xét xử không có nghĩa vụ nhưng được quyền chứng minh là mình vô tội thì nội dung nguyên tắc này cần được sửa đổi thành: "Điều 15 Xác định sự thật vụ án... Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị tình nghi, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, có quyền nhưng không có nghĩa vụ chứng minh là mình vô tội".

Ở đây xuất hiện đối tượng người bị tình

nghi⁽⁵⁾ - là người bị tiến hành điều tra, bắt tạm giữ trước giai đoạn bị khởi tố bị can. BLTTHS 2003 cũng như BLTTHS 2015 không có khái niệm về các đối tượng này tuy nhiên trên thực tế tiến hành tố tụng các bị can, bị cáo đều là những đối tượng này trước khi bị khởi tố bị can và rất nhiều trường hợp tuy không khởi tố nhưng đã là đối tượng bị điều tra của cơ quan có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra. Tác giả đề nghị cùng với việc bổ sung quy định về đối tượng trong nguyên tắc xác định sự thật vụ án như trên, phải đưa khái niệm người bị tình nghi này vào trong luật TTHS và quy định quyền để họ thực hiện quyền chứng minh vô tội theo luật định.

Kết luận

Suy đoán vô tội là một nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự, góp phần đảm bảo các quyền con người, quyền công dân. Bởi vậy, bảo đảm thực hiện các quy định về suy đoán vô tội có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không làm oan người vô tội. Trên cơ sở Hiến pháp năm 2013, nguyên tắc suy đoán vô tội đã chính thức được khẳng định, thể chế hóa tương đối căn bản trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và đặc biệt là cùng với việc bổ sung nguyên tắc "Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm" đã tạo cơ sở đặc biệt quan trọng cho việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả bảo đảm quyền được suy đoán vô tội của người bị buộc tội.

Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội trên thực tế cũng còn nhiều vấn đề cần quan tâm và rút kinh nghiệm, đặc biệt là yêu cầu về nhận thức và việc áp dụng nguyên tắc này trong suốt

các giai đoạn của quá trình tố tụng. Bởi vậy, việc tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là cần thiết, đặc biệt là những quy định liên quan đến bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội; việc cung cấp chứng cứ; quyền im lặng của người bị buộc tội, tranh tụng và trình tự xét hỏi tại phiên tòa hình sự nhằm bảo đảm suy đoán vô tội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Hồng Hải (1999), *Đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội*, Nxb. Công an nhân dân.
2. Đinh Thế Hưng (2017), "Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án trong TTHS", Luận án Tiến sĩ luật học bảo vệ tại Học viện KHXH năm 2017.
3. Võ Thị Kim Oanh, *Kiến nghị hoàn thiện các quy định của BLTTHS 2003 về người bị tình nghi*, http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/bai viet?p_page_id=1754190&p_cateid=1751909&item_id=7058670&article_details=1
4. Philip Reichel (1999), *Tư pháp hình sự so sánh*. Thông tin Khoa học Pháp lý, Viện Khoa học pháp lý.

⁽⁵⁾ Võ Thị Kim Oanh, *Kiến nghị hoàn thiện các quy định của BLTTHS 2003 về người bị tình nghi*, http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/bai viet?p_page_id=1754190&p_cateid=1751909&item_id=7058670&article_details=1; khái niệm về người bị tình nghi như sau: *Người bị tình nghi trong vụ án là người bị buộc tội trong trường hợp cơ quan điều tra tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu, bao gồm người có hành động phạm pháp bị mời làm việc, người bị bắt, hoặc bị tạm giữ, nhưng chưa bị khởi tố bị can.*